

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SÓC SƠN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/12/2020

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN, TP. HÀ NỘI

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Hải.*

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chí.*

*2. Ông Phạm Duy Hùng.*

*Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa:*

**Bà Trần Thị Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 623/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đỗ Hữu T**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Bị đơn: Bà **Lương Quế T**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn D, xã T, Sóc Sơn, Hà Nội.

(Có mặt ông T, bà T).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 16/10/2020, bản tự khai ngày 22/10/2020, biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là ông Đỗ Hữu T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lương Quế T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã T, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội ngày 05/10/1996. Sau khi kết hôn bà T về sống cùng gia đình ông ở Sơn Đông, xã T, Sóc Sơn, Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm đầu rồi xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà Thùy không muốn sinh con ngay trong khi ông và gia đình ông mong vợ chồng ông bà sớm có con chung từng ngày. Ông và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng bà T vẫn quyết định không sinh con và về nhà bố mẹ đẻ ở thôn D, xã T, huyện Sóc Sơn sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1997 đến nay. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân hơn 20 năm, trong thời gian ly thân hai bên không quan tâm cũng không liên lạc gì với nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể đoàn tụ nên ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn giải quyết cho ông được ly hôn bà T.

- Về con chung: Ông và bà T không có con chung nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp công sức đóng góp, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

***Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2020 và các lời khai tiếp theo bị đơn là bà Lương Quế T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đỗ Hữu T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã T, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội ngày 05/10/1996. Sau khi kết hôn bà về nhà ông T làm dâu ngay, ông bà chung sống cùng bố mẹ ông Thu ở Bãi Thuyền, Sơn Đông, xã T, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm đầu rồi xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà nghi ngờ ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên bà đã về nhà bố mẹ đẻ ở Dược Thượng, Tiên Dược, Sóc Sơn sống, vợ chồng ông bà đã ly thân từ năm 1997 đến nay. Trong thời gian ly thân hai bên không quan tâm cũng không liên lạc gì với nhau. Năm 1998 bà đã làm đơn xin ly hôn ông T gửi tới TAND huyện Sóc Sơn, tuy nhiên thời điểm đó ông T không đồng ý ly hôn nên ông bà chưa ly hôn và vẫn sống ly thân từ đó tới nay. Nay ông T xin ly hôn bà bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà không còn yêu ông T nhưng bà không đồng ý ly hôn vì bà cho rằng vợ chồng ông bà không có mâu thuẫn gì lớn.

- Về con chung: Bà và ông T không có con chung nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp công sức đóng góp, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa ông T giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Thùy. Bà T giữ nguyên ý kiến như đã trình bày là không đồng ý ly hôn ông T. Về con chung: Hai bên xác định không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, vay nợ: Ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết; xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án, giao thông báo thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ và đúng quy định pháp luật; Vụ án được giải quyết đúng thời hạn; Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án, phiên tòa diễn ra đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 28, 35, 39 và khoản 4 Điều 147 của BLTTDS năm 2015, nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đỗ Hữu T.

1. Về tình cảm: Xử cho ông Đỗ Hữu T được ly hôn bà Lương Quế T.
2. Về con chung: Hai bên xác định không có con chung nên không đặt ra giải quyết.
3. Về tài sản chung, nhà đất, công sức đóng góp, nợ chung: Ông bà không đề nghị nên không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Ông T phải chịu mức án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn trong vụ án là bà Lương Quế T cư trú tại: Thôn D, xã T, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Hữu T và bà Lương Quế T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 05/10/1996 tại trụ sở UBND xã T, Sóc Sơn, Hà Nội (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 05/10/1996 của UBND xã Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội) nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng bà không đồng ý ly hôn. Xét yêu cầu ly hôn của ông T Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc, làm tròn nghĩa vụ của vợ chồng. Qua xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình ông bà cũng như trình bày của đương sự được biết: Vợ chồng ông bà đã không còn tin tưởng, gần gũi, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù ông bà đã tự hòa giải và được gia đình hai bên động viên hòa giải nhưng quan hệ vợ chồng không cải thiện được, thời gian chung sống chỉ kéo dài khoảng một năm sau đó ông bà đã ly thân từ năm 1997 cho đến nay đã hơn 20 năm. Nay hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và vẫn sống mỗi người một nơi. Như vậy có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn khởi kiện của ông T, cho ông T được ly hôn bà T là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Hai bên xác định không có con chung nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp công sức đóng góp, nợ chung: Ông bà không đề nghị nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn là ông Đỗ Hữu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lý trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1. Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đỗ Hữu T, cho ông Đỗ Hữu T được ly hôn bà Lương Quế T.

**2. Về con chung:** Hai bên xác định không có con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

**3. Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức đóng góp, nợ chung:** Ông T, bà T không đề nghị nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

**4. Về án phí:** Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí ông đã nộp theo biên lai số AA/2018/0019152 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, ông T, bà T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**- Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Sóc Sơn, Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn, Hà Nội;
- UBND xã T, Sóc Sơn, Hà Nội;
- Lưu: Văn Phòng, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN \_ CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Khắc Hải**

